

Bản án số: 115/2019/DS-PT
Ngày: 28-11-2019
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Thanh Chín.

Các Thẩm phán : Ông Nguyễn Văn Thanh;
Bà Trần Thị Thiên Hương.

-Thư ký phiên tòa: Ông Mai Thuận, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2019/TLPT-DS ngày 17/01/2019, về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 225/2019/QĐ-PT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Vĩnh Ph, sinh năm 1952. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea T, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955(có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Sinh, sinh năm 1940. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea T, huyện Cư K, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Sinh:

Ông Nguyễn Vĩnh Ph, sinh năm 1952 - Là đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 24/11/2019.

+ Ông Nguyễn Quang Tr, sinh năm 1940.(có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1945. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 1, phường Tân A, thị xã LG, tỉnh Bình Thuận.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị L:

Ông Nguyễn Vĩnh Ph, sinh năm 1952 - Là đại diện theo ủy quyền. Giấy ủy quyền ngày 24/11/2019.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân Th (Thanh), sinh năm 1962. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

+ Ông Nguyễn T, sinh năm 1953. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: đường LTK, Khu phố 1, phường Tân A, thị xã LG tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Ph.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/12/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Ph bày:

Cụ Nguyễn Hữu Nhân và cụ Trần Thị Khôi là cha mẹ của ông Phước và bà Nguyễn Thị L, cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm Nguyễn Thị Sinh, Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Xuân Thu.

Năm 1999 cụ Khôi chết, năm 2001 cụ Nhân chết, hai cụ không để lại di chúc. Di sản hai cụ để lại gồm 01 căn nhà xây cấp 4 gắn liền quyền sử dụng đất diện tích 2.260m² (có 200m² Tn và 2.060m² ĐM) tờ bản đồ số 1 thửa số 160 và diện tích 1.200m² (ĐM) tờ bản đồ số 1 thửa số 881, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996. Ngày 01/8/2014 các anh chị em trong gia đình nguyên đơn đến Ủy ban nhân dân phường Tân An để thỏa thuận phân chia di sản cha mẹ để lại nhưng bà Nguyễn Thị L vắng mặt nên không thỏa thuận được. Ông Phước khởi kiện yêu cầu được chia phần tài sản là một phần diện tích đất thửa số 160 và một phần diện tích thửa số 881 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng nêu trên. Ông Phước thừa nhận hiện nay diện tích đất cha mẹ để lại có chênh lệch so với diện tích cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, mặt tiền giáp đường Lý Thường Kiệt hiện đo được 24,40m (sổ đỏ = 25m), diện tích thửa đất phía sau (thửa số 881) có tăng hơn diện tích trong giấy chứng nhận nhưng ông Phước đồng ý chia theo thực tế mặt tiền phía trước (thửa 160) gồm có diện tích đất thổ cư và chia theo diện tích trong giấy chứng nhận của thửa phía sau, ông không yêu cầu chia giá trị căn nhà cũ của cha mẹ để lại. Ông yêu cầu nhận thừa kế bằng quyền sử dụng đất để gia đình ông về sinh sống tại thị xã La Gi, Bình Thuận.

- Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thừa nhận di sản cha mẹ để lại và những người thừa kế như ông Phước kê khai, theo bà vợ chồng Nguyễn Thị Xuân Thu đã trực tiếp chung sống, chăm sóc cha mẹ nhiều năm trong căn nhà tại số 28 Lý Thường Kiệt, Khu phố 1, phường Tân An, thị xã La Gi. Vì vậy, cha mẹ của bà có nguyện vọng để tài sản cho bà Thu, bà Lộc không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp Tòa án phân chia theo pháp luật thì bà Lộc tự nguyện giao phần tài sản của bà cho bà Thu sở hữu.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Sinh và bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Sinh và bà Luân thừa nhận anh chị em ruột có 7 người như nguyên đơn nêu, cha mẹ của các ông bà đã chết và để lại khối tài sản chưa chia là đất và căn nhà tại Khu phố 1 phường Tân An, thị xã La Gi, Bình Thuận. Bà Sinh bà Luân tự nguyện giao phần tài sản được chia trong khối di sản của cha mẹ để cho lại 03 người em là Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Vĩnh Ph và Nguyễn Thị Xuân Thu. Do hoàn cảnh ở xa nên hai bà có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết xét xử.

+ Ông Nguyễn Quang Tr trình bày: Cha mẹ của ông có 02 thửa đất tại Khu phố 1, phường Tân An, thị xã La Gi, thửa số 160 và thửa số 881, giữa hai thửa đất của cha mẹ là thửa đất của vợ chồng ông, thửa đất số 103. Khi cha của ông còn sống đã tuyên bố trước mọi người là cho ông Trung diện tích đất mặt tiền, gồm cả căn nhà trên thửa số 160, tính từ mương nước ra phía trước; cho bà Thu diện tích từ mương nước ra phía sau giáp đến thửa đất vườn của ông Trung. Năm 1990 cụ Nhân đã đồng ý cho ông Trung mở đường giáp đất gia đình ông Khang (hướng Tây của thửa số 160) rộng 3m, dài từ trước ra đến thửa số 103 của ông Trung. Ngày 31/7/2014 các anh chị em cũng họp thống nhất trên thửa số 160 sẽ trừ diện tích bề ngang rộng 2m phía Tây giáp ông Khang, chiều dài ra đến thửa đất số 103 của ông Trung, còn lại mới phân chia tài sản chung. Nay ông Trung yêu cầu được chia theo thỏa thuận, nếu anh chị em không đồng ý thì chia theo pháp luật. Ông Trung không tranh chấp căn nhà cũ của vợ chồng cụ Nhân vì không còn giá trị sử dụng.

+ Bà Nguyễn Thị Th trình bày: Thừa nhận lời khai của anh, chị, em về cha mẹ và di sản cụ Nhân để lại, đến nay tài sản đó chưa được phân chia, trường hợp được chia thì bà Thường tự nguyện giao phần của bà cho ông Phước sở hữu, bà Thường có đơn xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết xét xử.

+ Bà Nguyễn Thị L trình bày: Thừa nhận lời khai của anh, chị, em về cha mẹ và di sản cha mẹ để lại, đến nay tài sản đó chưa được phân chia. Theo bà Lộc thì em bà là Nguyễn Thị Xuân Thu có công chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ rất hiếu thảo, nếu phải phân chia thì bà Lộc tự nguyện cho bà Thu phần thừa kế mà bà được hưởng.

+ Bà Nguyễn Thị Xuân Thu trình bày: Năm 1986 vợ chồng bà Thu về ở cùng cha mẹ (cụ Nhân, cụ Khôi) để tiện chăm sóc các cụ. Năm 1996 nhà cửa

của cha mẹ cũ nát nên vợ chồng bà đứng ra sửa sang lại nhà trên, xây nhà bếp và nhà vệ sinh, đào giếng, làm chuồng nuôi bò, gà...đổ đất nâng nền khu vực nhà ở. Trước khi chết cha mẹ đã nói giao nhà đất cho bà Thu trông coi, giữ gìn, không được bán, chia. Nay các anh chị đều có nhà ổn định, nếu đòi phân chia bằng hiện vật thì gia đình bà Thu không đủ diện tích để sử dụng, trường hợp Tòa án chia tài sản bà Thu đồng ý nhận phần tài sản của bà Sinh, bà Luân, bà Lộc tự nguyện giao cho bà. Bà Thu không đồng ý việc ông Trung yêu cầu để lại 2m đất bề ngang mặt tiền, chiều dài hết thửa của thửa đất số 160 làm đường đi cho ông Trung, bà Thu yêu cầu chia tài sản theo diện tích thực tế đo vẽ ngày 31/3/2017. bà Thu yêu cầu xem xét công sức san lấp đất, gìn giữ di sản của vợ chồng ông bà trong nhiều năm qua.

Ông Thơ có ý kiến thống nhất với ý kiến của bà Thu, ông Thơ xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Sau khi hòa giải không thành, ngày 14/11/2018, Tòa án nhân dân thị xã La Gi đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 19/2018/DS-ST, quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165 khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 618, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27 tháng 02 năm 2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Hữu Nhân (chết năm 1999) và cụ Trần Thị Khôi (chết năm 2001) để lại gồm 02 thửa đất: thửa số 160 diện tích 2.260m² (có 200m² thổ cư và 2.060m² đất màu), thửa số 881 diện tích 1.200m², theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 15/4/1996.

- Hàng thừa kế thứ nhất gồm các ông bà Nguyễn Thị Sinh, Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L, Nguyễn Vĩnh Ph, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Xuân Thu.

- Di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, thửa số 160 diện tích 2.260m² giá trị thành tiền là 1.914.000.000đ, thửa số 881 diện tích 1.200m² giá trị thành tiền là 384.000.000đ được chia làm 7 kỷ phần. Trong đó bà Sinh, bà Luân nhường kỷ phần của mình cho ông Trung, ông Phước, bà Thu; bà Thường nhường kỷ phần của mình cho ông Phước; bà Lộc nhường kỷ phần của mình cho bà Thu.

2. Chia quyền sử dụng đất :

2.1 Ông Nguyễn Quang Tr được nhận bằng hiện vật là diện tích 464,3m² giá trị là 467.300.000đ, (trong đó có 47,57m² đất thổ cư) theo giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân.

Cụ thể:

Hướng đông giáp đất chia cho ông Nguyễn Vĩnh Ph đo được 81m;

Hướng tây giáp đất ông Nguyễn Khang đo được 81m;

Hướng nam giáp đường Lý Thường Kiệt đo được 5,085m;

Hướng bắc giáp thửa số 103 đo được 5,66m.

Ông Nguyễn Quang Tr được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng, diện tích 289,5m² (giá trị là 92.640.000đ) thuộc thửa đất số 881 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân. Giá trị phần di sản ông Trung được hưởng từ thửa số 881 là 91.428.000đ.

Cụ thể:

Hướng đông giáp đất chia cho ông Nguyễn Vĩnh Phước đo được 47m;

Hướng tây giáp đất ông Nguyễn Khang đo được 47m;

Hướng nam giáp thửa số 103 đo được 6,16m;

Hướng bắc giáp đường đất đo được 6,16m.

Ông Nguyễn Quang Tr phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Phước 45.000đ, phần giá trị ông Phước được hưởng nhưng còn thiếu từ thửa đất số 881. Ông Nguyễn Quang Tr có nghĩa vụ thanh toán cho bà Thu 1.165.000đ, phần giá trị bà Thu được hưởng nhưng còn thiếu từ thửa đất số 881,

Tổng giá trị thừa kế ông Trung được hưởng là 555.728.000đ.

2.2 Ông Nguyễn Vĩnh Ph được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng đất diện tích là 383,5m², giá trị là 383.500.000đ, (trong đó có 76,14m² đất thổ cư) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân.

Cụ thể:

Hướng đông giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu đo được 80,5m;

Hướng tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Quang Tr đo được 80,5m;

Hướng nam giáp đường Lý Thường Kiệt đo được 5,19m;

Hướng bắc giáp thửa số 103 đo được 4,34m.

Ông Nguyễn Vĩnh Ph được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng, diện tích 457m² (giá trị là 146.240.000đ) thuộc thửa đất số 881 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân. Giá trị phần di sản ông Phước được hưởng từ thửa số 881 là 146.285.000đ.

Cụ thể:

Hướng đông giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu đo được 46,4m;
Hướng tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Quang Tr đo được 46,4m;
Hướng nam giáp thửa số 103 đo được 9,86m;
Hướng bắc giáp đường đất đo được 9,86m.

Ông Phước được nhận phần giá trị tài sản do ông Trung thanh toán là 45.000đ và được nhận phần giá trị tài sản do bà Thu thanh toán là 341.350.000đ. Tổng giá trị thừa kế ông Phước được hưởng là 871.135.000đ.

2.3 Bà Nguyễn Thị Xuân Thu được nhận bằng hiện vật là diện tích đất là 1.066,2m² có giá trị 1.066.200.000đ, (trong đó có 76,14m² đất thổ cư) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân, giá trị bà Thu được nhận là 724.850.000đ. Bà Thu có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Vĩnh Ph phần giá trị ông Phước được hưởng là 341.350.000đ từ thửa số 160.

Cụ thể:

Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Văn Kính đo được 78m;
Hướng tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Vĩnh Ph đo được 78m;
Hướng nam giáp đường Lý Thường Kiệt đo được 13,4m;
Hướng bắc giáp thửa số 103 đo được 13,4m.

Bà Nguyễn Thị Xuân Thu được nhận bằng hiện vật là quyền sử dụng diện tích 453,5m² (giá trị là 145.120.000đ) thuộc thửa đất số 881 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân. Giá trị phần di sản bà Thu được hưởng từ thửa số 881 là 146.285.000đ.

Cụ thể:

Hướng đông giáp đất ông Nguyễn Văn Kính đo được 46m;
Hướng tây giáp đất chia cho ông Nguyễn Vĩnh Ph đo được 46m;
Hướng nam giáp thửa số 103 đo được 9,86m;
Hướng bắc giáp đường đất đo được 9,86m.

Bà Nguyễn Thị Xuân Thu được nhận phần giá trị tài sản do ông Trung thanh toán là 1.165.000đ từ thửa số 881. Tổng giá trị thừa kế bà Thu được hưởng là 871.135.000đ

3. Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ phải tháo dỡ kiên cố chèn ngăn nước xây dựng trên diện tích đất giao cho ông Trung và ông Phước, để trả lại đất trống cho ông Trung, ông Phước sử dụng.

- Ông Nguyễn Quang Tr được sở hữu các tài sản trên phần đất được nhận gồm: Chuồng bò, chuồng gà, giếng nước do vợ chồng bà Thu xây dựng.

Ông Nguyễn Quang Tr phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị chuồng bò 962.500đ, chuồng gà 2.010.960đ, giếng nước 5.000.000đ cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ.

4. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân Thu phải có nghĩa vụ giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân, cho Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã La Gi khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án và cùng ông Nguyễn Quang Tr, ông Nguyễn Vĩnh Ph tiến hành thủ tục sang tên, tách thửa để cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trung, ông Phước theo bản án đã tuyên.

5. *Án phí:* Ông Nguyễn Vĩnh Ph phải chịu 38.134.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.500.000đ theo biên lai số 0003858 ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi, ông Phước còn phải nộp 33.634.000đ án phí dân sự sơ thẩm

Ông Nguyễn Quang Tr phải chịu số tiền 26.229.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Xuân Thu phải chịu 38.134.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

6. *Về chi phí khác:*

Ông Nguyễn Quang Tr phải chịu 500.000đ, ông Phước phải chịu 950.000đ, bà Thu phải chịu 950.000đ, chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Trung ông Phước đã nộp đủ chi phí.

Bà Nguyễn Thị Xuân Thu phải hoàn trả cho ông Trung 450.000đ, hoàn trả cho ông Phước 500.000đ chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 20/11/2018 nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Ph có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Xuân Thu trả lại toàn bộ phần đất đã lấn chiếm trong phần di sản thừa kế của ông được hưởng. Lý do Tòa sơ thẩm tuyên phần đất của ông được hưởng di sản thừa kế hơn 9 mét ngang mặt đường và dài hết vườn nhưng lại buộc ông phải bán cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu 4 mét mặt đường mà bà Thu tự ý lấn chiếm, xây dựng trái phép khi chưa được sự đồng ý của các thành viên trong gia đình, trong đó có ông.

Ngày 24/5/2019 và ngày 20/11/2019 ông Phước có đơn yêu cầu được nhận bằng hiện vật đủ phần diện tích đất mà ông hưởng thừa kế và nhận phần đất ngoài cùng giáp nhà đất ông Nguyễn Khang để làm chỗ ở mới do hoàn cảnh gia đình ông quá khó khăn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến nguyên đơn và là người kháng cáo: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, yêu cầu kháng cáo bổ sung.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị L ý kiến: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ ý kiến: Mọi quyết định của Tòa án theo đúng quy định pháp luật.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Th ý kiến ông Phước có hoàn cảnh khó khăn nên đề nghị Tòa án chia thừa kế bằng hiện vật đủ phần diện tích đất mà ông Phước được hưởng để về quê hương sinh sống.

Trong đơn xin giải quyết vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Sinh, bà Nguyễn Thị L ý kiến đề nghị giải quyết theo phần di sản thừa kế được chia và được cho để anh em chúng tôi có cuộc sống ổn định, không còn tranh chấp mất tình đoàn kết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh Ph nhận thấy: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã La Gi quyết định chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Vĩnh Ph là chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Phước. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định vợ chồng bà Thu có công chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và giữ gìn tài sản của gia đình nên giao phần diện tích đất bề ngang 13,4m theo mặt tiền đường Lý Thường Kiệt (nhiều hơn diện tích mà bà Thu được nhận bằng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tính tổng giá trị thì bà Thu vẫn nhận giá trị bằng các thừa kế khác là không phù hợp với Án lệ số 05/AL ngày 04/6/2016. Về di sản thừa kế là 02 thửa đất mà cả ông Phước, ông Trung, bà Thu đều có nhu cầu nhận đất nên cần chia đủ diện tích đất cả ông Phước, ông Trung, bà Thu tương ứng với phần thừa kế mỗi người được hưởng mới có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chia thừa kế lại cho chính xác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét nội dung đơn kháng cáo, yêu cầu kháng cáo bổ sung của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Ph; nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu ý kiến.

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt. Họ có ủy quyền và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền: Người để lại di sản là cụ bà Trần Thị Khôi chết vào năm 1999 và cụ ông Nguyễn Hữu Nhân chết năm 2001, đến năm 2014 những người con thuộc hàng thừa kế thứ nhất yêu cầu phân chia tài sản và cùng thừa nhận tài sản chung chưa chia. Ngày 10/12/2014 Tòa án nhân dân thị xã La Gi thụ lý vụ án “Tranh chấp chia tài sản chung” theo Bộ luật Dân sự 2005 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 01/01/2015 Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực thi hành, nguyên đơn thay đổi yêu cầu thành chia thừa kế, quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Tranh chấp về thừa kế tài sản”. Người bị kiện có địa chỉ tại thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, di sản thừa kế là quyền sử dụng đất tại thị xã La Gi nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã La Gi theo quy định tại Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện, đơn kháng cáo và yêu cầu kháng cáo bổ sung của nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Ph, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Về hàng thừa kế: Nguyên đơn ông Nguyễn Vĩnh Ph và những anh em khác gồm bà Nguyễn Thị Sinh, ông Nguyễn Quang Tr , bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Xuân Thu là con ruột, tất cả 07 người là những người thừa kế theo pháp luật của cụ ông Nguyễn Hữu Nhân và cụ bà Trần Thị Khôi đã chết, không có di chúc.

[3.2] Tài sản thừa kế theo pháp luật gồm 2 thửa đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số H 302566 ngày 15/4/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp đứng tên Nguyễn Hữu Nhân, gồm thửa số 881 đất màu, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.200m² (đo đạc hiện trạng 1.279,3m²), thửa số 160, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.260m² (thổ cư 200m² và đất màu 2.060m²), (đo đạc hiện trạng 2.084,8m²).

[3.3] Về phân chia di sản: Nguyên đơn yêu cầu được chia di sản thừa kế và yêu cầu được nhận phần bằng hiện vật, cụ thể là nhận quyền sử dụng đất tại Khu phố 1 phường Tân An, thị xã La Gi, Bình Thuận. Lý do nguyên đơn xin nhận quyền sử dụng đất vì hiện nay gia đình nguyên đơn nợ nần nhiều, nhà đất tại nơi cư trú đã thế chấp vay vốn Ngân hàng và khó có khả năng thanh toán, vì vậy nguyên đơn rất cần có đất tại thị xã La Gi để tạo dựng chỗ ở mới.

Bà Nguyễn Thị Sinh và Nguyễn Thị L tự nguyện nhường kỷ phần của mình cho 3 anh em là ông Trung, ông Phước và bà Thu. Bà Nguyễn Thị Th tự nguyện nhường kỷ phần của mình cho ông Nguyễn Vĩnh Ph, bà Nguyễn Thị L tự nguyện nhường kỷ phần của mình cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Như vậy ông Nguyễn Quang Tr được hưởng thừa kế tài sản bằng 23,8%, ông Nguyễn Vĩnh Ph được hưởng thừa kế tài sản bằng 38,1%, bà Nguyễn Thị Xuân Thu được hưởng thừa kế tài sản bằng 38,1% diện tích đất thừa kế.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận các yêu cầu, các ý kiến và các đề nghị của các đương sự nhưng khi quyết định phân chia di sản không chia đất đủ diện tích của thửa số 160, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.260m² cho các thừa kế và

chia không theo hiện trạng thửa số 881, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.200m² cho các thửa kế cũng như ông Nguyễn Vĩnh Ph là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Phước được quy định Điều 660 Bộ luật Dân sự.

Mặc khác, Tòa án cấp sơ thẩm chia thửa kế quyền sử dụng đất mà đo đạc bằng thước dây, không có tọa độ khu đất, không tính được kích thước các cạnh của thửa đất khi chia thửa kế bằng quyền sử dụng đất, không chia đất theo hiện trạng sử dụng đất trong khi đất có ranh giới và tứ cận rõ ràng là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự theo quy định của pháp luật về thừa kế tài sản.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất cho ông Trung, ông Phước, bà Thu theo phần mà các đương sự được hưởng thừa kế.

[3.4] Về giá trị di sản: Ngày 31/3/2015 Tòa án cấp sơ thẩm thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp, đến ngày 22/6/ 2016 Tòa án cấp sơ thẩm thành lập Hội đồng tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp. Ngày 30/7/ 2018 Tòa án cấp sơ thẩm thành lập Hội đồng định giá tài sản tranh chấp lần thứ 2. Giá trị được xác định theo giá thị trường tại thời điểm định giá:

- Thửa đất số 160 có giá đất 1.000.000đồng/m² x 2.084,8m² = 2.084.800.000đồng;

- Thửa đất số 881 có giá đất 320.000đồng/m² x 1.279,3m² = 409.376.000đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế là 2.494.176.000đồng.

Tài sản khác có giá:

- Chuồng bò diện tích 27,5m² giá 962.500đồng;
- Chuồng gà diện tích 23,9m² giá 2.010.960đồng;
- Giếng nước 10m sâu giá 5.000.000đồng;
- Chái tạm 5,8m² giá 75.400đồng;
- Nhà tạm 13,7m² giá 3.863.400đồng;
- Bồn chứa nước 2,6m² giá 733.200đồng;

[3.5] Về công sức đóng góp và chia di sản thừa kế bằng tiền: Vợ chồng bà Nguyễn Thị Xuân Thu và ông Nguyễn Thơ có thời gian dài chung sống với cụ Nhân và cụ Khôi, vợ chồng bà Thu có nhiều công sức trong việc chăm sóc cha mẹ lúc già yếu. Sau khi cụ Nhân, cụ Khôi chết thì từ năm 2001 hai vợ chồng bà Thu sinh sống trên các thửa đất là di sản cha mẹ để lại cho đến nay, ông bà có công chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ và giữ gìn, quản lý tài sản của gia đình. Căn cứ Án lệ số 05/2016/AL về thừa kế tài sản được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016 và được công bố theo Quyết định số 220/QĐ-CA ngày 06/4/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên trích 01 phần thừa kế là 356.311.000đồng (2.494.176.000đồng : 7 = 356.310.857đồng, làm tròn 356.311.000đồng) cho bà Thu, ông Thơ. Còn lại

2.137.865.000đồng : 7 = 305.409.285đồng và chia thừa kế theo tỷ lệ phần trăm được hưởng. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Quang Tr số tiền 378.096.685đồng (305.409.285đồng + 72.687.400đồng = 378.096.685đồng);
- Ông Nguyễn Vĩnh Ph số tiền 421.771.185đồng (305.409.285đồng + 116.361.900đồng = 421.771.185đồng);
- Bà Nguyễn Thị Xuân Thu số tiền 421.771.185đồng (305.409.285đồng + 116.361.900đồng = 421.771.185đồng).

Do chia thừa kế quyền sử dụng đất bằng hiện vật trên tỷ lệ phần trăm các thừa kế được hưởng nên ông Nguyễn Quang Tr, ông Nguyễn Vĩnh Ph có nghĩa vụ hoàn trả tiền công sức mỗi người $\frac{1}{2}$ số tiền là 356.311.000đồng cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ.

[3.6] Về chia thừa kế tài sản bằng quyền sử dụng đất:

Đối với thửa đất số 160, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.260m² (đo đạc hiện trạng 2.084,8m²). Ông Nguyễn Vĩnh Ph có hoàn cảnh khó khăn, có nhu cầu sử dụng đất để sinh sống nên chia phần đất còn trống, chưa có nhà ở của bà Nguyễn Thị Xuân Thu cho ông Phước. Chia cho ông Trung sử dụng phần đất liền kề với đất chia cho ông Phước. Phần đất có nhà hiện trạng chia cho bà Thu

Đối với thửa số 881 đất màu, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.200m² (đo đạc hiện trạng 1.279,3m²) chia cho các thừa kế theo như chia phần đất của thửa số 160.

Trên diện tích đất chia thừa kế hiện có một số tài sản như: Giếng nước, chuồng bò, chuồng gà, nhà sau do vợ chồng bà Thu, ông Thơ xây dựng để sử dụng. Khi giao phần diện tích còn lại cho ông Trung và ông Phước thì ông Trung và ông Phước có nghĩa vụ thanh toán lại giá trị các tài sản cho bà Thu. Đối với kiềng đá chẻ ngăn nước tràn, 01 cây khế, 01 cây bông giấy, 02 cây sanh, 01 cây dừa, 02 cây mai, 02 cây bò cạp vàng, 02 cây sầu đâu có trên đất tranh chấp thừa kế bà Thu, ông Thơ có nghĩa vụ tháo dỡ, di dời trả lại đất trống cho các chủ sử dụng mới.

Căn nhà cũ của cha mẹ không còn giá trị sử dụng nhưng bà Thu, ông Thơ có xây sửa lại một phần nhà để ở. Hội đồng xét xử thấy rằng, sau khi xảy ra tranh chấp thì bà Thu và ông Thơ mới sửa lại phần nhà trước (nhà tạm) nên buộc họ phải tháo dỡ một phần diện tích nhà để trả lại đất cho ông Trung. Việc tháo dỡ một phần nhà ở này không ảnh hưởng đến việc sử dụng phần nhà còn lại, mặt khác tại Biên bản định giá tài sản ngày 31/3/2015 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng dân sự thì nhà ở (nhà trước) không còn giá trị sử dụng. Tài sản trên đất được thể hiện tại Trích đo bản đồ vị trí thửa đất tranh chấp kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2019.

[3.7] Từ những nhận định nêu trên, kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh Ph có căn cứ pháp luật để chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận.

[4] Về án phí: Bà Thu được hưởng thừa kế nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng đối với giá trị tài sản được hưởng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ông Trung, ông Phước là người cao tuổi được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh Ph được chấp nhận, ông Phước là người cao tuổi nên ông không chịu và được miễn nộp án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp.

[5] Về chi phí tố tụng:

Tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Nguyễn Quang Tr và ông Nguyễn Vĩnh Ph đã tạm ứng số tiền 2.400.000đồng chi phí định giá tài sản tranh chấp và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (trong đó ông Phước nộp 1.450.000đồng, ông Trung nộp 950.000đồng) các đương sự được chia phần di sản thừa kế nên phải chịu chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự (ông Trung phải chịu 500.000đồng, ông Phước phải chịu 950.000đồng, bà Thu phải chịu 950.000đồng, ông Trung ông Phước đã nộp chi phí). Bà Nguyễn Thị Xuân Thu phải hoàn trả cho ông Trung 450.000đồng, hoàn trả cho ông Phước 500.000đồng chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Vĩnh Ph đã tạm ứng số tiền 11.104.000đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc đất. Các đương sự được chia phần di sản thừa kế nên phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất theo quy định tại Điều 157 và Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Phước phải chịu 4.231.000đồng (được trừ vào tiền tạm ứng). Ông Trung phải chịu 2.642.000đồng, bà Thu phải chịu 4.231.000đồng để hoàn trả cho ông Phước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, Điều 296, Khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Vĩnh Ph; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 14/11/2018 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào:

- Khoản 5 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 157, Khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 618, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật Dân sự;

- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Án lệ số 05/2016/AL ngày 06/4/2016;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Xác định di sản thừa kế của cụ ông Nguyễn Hữu Nhân (chết năm 1999) và cụ bà Trần Thị Khôi (chết năm 2001) để lại gồm 02 thửa đất đã có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số H 302566 ngày 15/4/1996 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận cấp đứng tên Nguyễn Hữu Nhân, gồm:

- Thửa số 881 đất màu, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.200m² (đo đạc hiện trạng 1.279,3m²) 409.376.000đồng;

- Thửa số 160, tờ bản đồ số 1, diện tích 2.260m² (đo đạc hiện trạng 2.084,8m²) trị giá 2.084.800.000đồng.

Tổng giá trị di sản thừa kế là 2.494.176.000đồng.

2. Hàng thừa kế thứ nhất gồm có 07 người: Các ông, bà Nguyễn Thị Sinh, Nguyễn Quang Tr, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị L, Nguyễn Vĩnh Ph, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị Xuân Thu.

Di sản được chia làm 07 kỷ phần. Trong đó bà Sinh, bà Luân nhường kỷ phần của mình cho ông Trung, ông Phước, bà Thu; bà Thường nhường kỷ phần của mình cho ông Phước; bà Lộc nhường kỷ phần của mình cho bà Thu. Do đó tỷ lệ ông Trung được chia thừa kế là 23,8%, tỷ lệ ông Phước và bà Thu được chia thừa kế bằng nhau là 38,1%.

3. Chia di sản thừa kế bằng tiền: Trích 01 kỷ phần thừa kế là 356.311.000đồng (2.494.176.000đồng : 7 = 356.310.857đồng, làm tròn 356.311.000đồng). Còn lại 2.137.865.000đồng : 7 = 305.409.285đồng và chia thừa kế theo tỷ lệ phần trăm được hưởng. Cụ thể:

- Ông Nguyễn Quang Tr số tiền 378.096.685đồng (305.409.285đồng + 72.687.400đồng = 378.096.685đồng);

- Ông Nguyễn Vĩnh Ph số tiền 421.771.185đồng (305.409.285đồng + 116.361.900đồng = 421.771.185đồng);

- Bà Nguyễn Thị Xuân Thu số tiền 421.771.185đồng (305.409.285đồng + 116.361.900đồng = 421.771.185đồng).

4. Chia di sản thừa kế bằng hiện vật (quyền sử dụng đất):

4.1. Ông Nguyễn Vĩnh Ph được quyền sử dụng đất diện tích 794,3m² (trong đó có 76,2m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 1, diện tích

đo đạc hiện trạng 2.084,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân, có tứ cận:

- Đông giáp đất của ông Nguyễn Quang Tr;
- Tây giáp đường Lý Thường Kiệt;
- Nam giáp đất chia cho ông Nguyễn Quang Tr;
- Bắc giáp đất ông Nguyễn Khang;

Ông Nguyễn Vĩnh Ph được quyền sử dụng đất diện tích 487,4m² thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 1, diện tích đo đạc hiện trạng 1.279,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân, có tứ cận:

- Đông giáp đường đất;
- Tây giáp đất của ông Nguyễn Quang Tr;
- Nam giáp đất chia cho ông Nguyễn Quang Tr;
- Bắc giáp đất ông Nguyễn Khang.

4.2. Ông Nguyễn Quang Tr được quyền sử dụng đất diện tích 496,2m² (trong đó có 47,6m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 1, diện tích đo đạc hiện trạng 2.084,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân, có tứ cận:

- Đông giáp đất của ông Nguyễn Quang Tr;
- Tây giáp đường Lý Thường Kiệt;
- Nam giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu;
- Bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Vĩnh Ph;

Ông Nguyễn Quang Tr được quyền sử dụng đất diện tích 304,5m² thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 1, diện tích đo đạc hiện trạng 1.279,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân, có tứ cận:

- Đông giáp đường đất;
- Tây giáp đất của ông Nguyễn Quang Tr;
- Nam giáp đất chia cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu;
- Bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Vĩnh Ph.

4.3. Bà Nguyễn Thị Xuân Thu được quyền sử dụng đất diện tích 794,3m² (trong đó có 76,2m² đất thổ cư) thuộc thửa đất số 160, tờ bản đồ số 1, diện tích đo đạc hiện trạng 2.084,8m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân, có tứ cận:

- Đông giáp đất của ông Nguyễn Quang Tr;
- Tây giáp đường Lý Thường Kiệt;
- Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Kính;
- Bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Quang Tr;

Bà Nguyễn Thị Xuân Thu được quyền sử dụng đất diện tích 487,4m² thuộc thửa đất số 881, tờ bản đồ số 1, diện tích đo đạc hiện trạng 1.279,3m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân, có tứ cận:

- Đông giáp đường đất;
- Tây giáp đất của ông Nguyễn Quang Tr;
- Nam giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn Kính;
- Bắc giáp đất chia cho ông Nguyễn Quang Tr.

Diện tích đất được chia thừa kế nêu trên có Trích đo bản đồ vị trí thửa đất tranh chấp kèm theo Bản án dân sự phúc thẩm số 115/2019/DS-PT ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Ông Nguyễn Vĩnh Ph, ông Nguyễn Quang Tr, bà Nguyễn Thị Xuân Thu có quyền và nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

5. Bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ được nhận và sở hữu số tiền 356.311.000đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm mười một nghìn đồng) là tiền công sức giữ gìn, quản lý di sản thừa kế.

Ông Nguyễn Vĩnh Ph và ông Nguyễn Quang Tr mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ số tiền 178.155.500đồng. Tổng cộng 356.311.000đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu ba trăm mười một nghìn đồng).

6. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ phải tháo dỡ kiềng đá chẻ ngăn nước; tháo dỡ một phần nhà trước diện tích xây dựng 23,3m²; tháo dỡ, di dời 01 cây khế, 01 cây bông giấy, 02 cây sanh, 01 cây dừa, 02 cây mai, 02 cây bọ cạp vàng, 02 cây sấu đầu trên diện tích đất giao cho ông Trung và ông Phước, để trả lại đất trống cho ông Trung, ông Phước sử dụng.

7. Ông Nguyễn Vĩnh Ph được sở hữu các tài sản trên phần đất được nhận gồm: Chuồng bò diện tích 27,5m², chuồng gà diện tích 23,9m², giếng nước 10m sâu do bà Thu, ông Thơ xây dựng.

Ông Nguyễn Vĩnh Ph phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị chuồng bò 962.500đồng, chuồng gà 2.010.960đồng, giếng nước 5.000.000đồng. Tổng cộng 7.973.460đồng cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ.

8. Ông Nguyễn Quang Tr được sở hữu các tài sản trên phần đất được nhận gồm: Chái tạm 5,8m², nhà tạm 13,7m², bồn chứa nước 2,6m² do bà Thu, ông Thơ xây dựng.

Ông Nguyễn Quang Tr phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị chái tạm 75.400đồng, nhà tạm 3.863.400đồng, bồn chứa nước 733.200đồng. Tổng cộng 4.672.060đồng cho bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ.

9. Buộc bà Nguyễn Thị Xuân Thu, ông Nguyễn Thơ phải có nghĩa vụ giao diện tích đất được chia thừa kế nêu trên cho ông Nguyễn Vĩnh Ph, ông Nguyễn Quang Tr. Bà Nguyễn Thị Xuân Thu giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 302566 do Ủy ban nhân dân huyện Hàm Tân cấp ngày 15/4/1996 cho hộ Nguyễn Hữu Nhân để ông Nguyễn Quang Tr, ông Nguyễn Vĩnh Ph đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

10. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Xuân Thu phải chịu 20.871.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Vĩnh Ph, ông Nguyễn Quang Tr được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Vĩnh Ph 4.500.000đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003858 ngày 09/12/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Ông Nguyễn Vĩnh Ph không chịu và được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Vĩnh Ph 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021974 ngày 07/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

11. Về chi phí tố tụng:

- Ông Nguyễn Quang Tr phải chịu 500.000đồng, ông Nguyễn Vĩnh Ph phải chịu 950.000đồng, bà Nguyễn Thị Xuân Thu phải chịu 950.000đồng chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp sơ thẩm. Ông Trung ông Phước đã nộp đủ chi phí.

- Bà Nguyễn Thị Xuân Thu phải hoàn trả cho ông Trung 450.000đồng, hoàn trả cho ông Phước 500.000đồng chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Vĩnh Ph phải chịu 4.231.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất tại Tòa án cấp phúc thẩm, được trừ 11.104.000đồng đã nộp tạm ứng, còn lại 6.873.000đồng do ông Nguyễn Quang Tr, bà Nguyễn Thị Xuân Thu nộp hoàn trả.

- Ông Nguyễn Quang Tr phải chịu 2.642.000đồng, bà Nguyễn Thị Xuân Thu phải chịu 4.231.000đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc đất tại Tòa án cấp phúc thẩm để hoàn trả cho ông Nguyễn Vĩnh Ph.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/11/2019).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- Các đương sự;
- Lưu: DS, HCTP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Chín